

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

Môn: **TIẾNG VIỆT** - Khối lớp: **2 Năm học : 2023-2024**

| Chủ đề      |                             | Câu   | Nội dung kiến thức cần kiểm tra                          | Mức độ | Điểm |    |
|-------------|-----------------------------|---|--|--------|------|----|
| <b>Đọc</b>  | <b>Đọc thành tiếng</b>      | <b>1</b>  | Mỗi HS đọc khoảng<br>50 – 60 tiếng / phút.               |        |      | 4c |
|             | <b>Đọc hiểu văn bản</b>     | <b>1</b>  | Hiểu nội dung văn bản.                                   | M1     | 0,5  | 6đ |
|             |                             | <b>2</b>  | Hiểu nội dung văn bản.                                   | M1     | 0,5  |    |
|             |                             | <b>3</b>  | Hiểu nội dung văn bản.                                   | M1     | 0,5  |    |
|             |                             | <b>4</b>  | Hiểu nội dung văn bản.                                   | M1     | 0,5  |    |
|             |                             | <b>5</b>  | Hiểu nội dung văn bản.                                   | M1     | 0,5  |    |
|             |                             | <b>6</b>  | Hiểu nội dung văn bản.                                   | M2     | 1    |    |
|             | <b>Kiến thức Tiếng việt</b> | <b>7</b>  | Từ chỉ hoạt động, sự vật                                 | M3     | 1    |    |
|             |                             | <b>8</b>  | Đặt câu nêu hoạt động                                    | M2     | 1    |    |
| <b>9</b>    |                             | Các dấu câu (dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm than) | M2   | 0,5    |      |    |
| <b>Viết</b> | <b>Chính tả</b>             |   | Viết chính tả: Nghe – viết.<br><i>Tạm biệt cánh cam</i>  |        |      | 4c |
|             | <b>Tập làm văn</b>          |   | Viết 4 - 5 câu kể về việc em đã làm để bảo vệ môi trường |        |      | 6c |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

Môn: **TOÁN** - Khối lớp: **2 Năm học : 2023-2024**

| Mạch kiến thức                        | Số câu<br>Câu số<br>Số điểm | Mức 1 |    | Mức 2 |    | Mức 3 |    | Tổng |     |
|---------------------------------------|-----------------------------|-------|----|-------|----|-------|----|------|-----|
|                                       |                             | TN    | TL | TN    | TL | TN    | TL | TN   | TL  |
| 1. Số và phép tính                    | Số câu                      | 3     | 1  | 1     | 1  |       | 1  | 4    | 3   |
|                                       | Số điểm                     | 3     | 1  | 1     | 1  |       | 1  | 4    | 3   |
| 2. Hình học và đo lường:              | Số câu                      | 1     |    |       | 1  | 1     |    | 2    | 1   |
|                                       | Số điểm                     | 1     |    |       | 1  | 1     |    | 2    | 1   |
| 3. Một số yếu tố thống kê và xác suất | Số câu                      |       |    | 1     |    |       |    | 1    |     |
|                                       | Số điểm                     |       |    | 1     |    |       |    | 1    |     |
| Tổng số câu                           |                             | 5     |    | 3     |    | 2     |    | 6    | 4   |
| Tổng số điểm                          |                             | 5     |    | 3     |    | 2     |    | 6    | 4   |
| Tỉ lệ %                               |                             | 50%   |    | 30%   |    | 20%   |    | 60%  | 40% |

Họ và tên:.....Lớp .....

| Điểm bài thi |          | Họ, tên chữ kí người chấm thi                |
|--------------|----------|--|
| Bảng số      | Bảng chữ | Giám khảo số 1:.....<br>Giám khảo số 2:..... |

**I. Phần trắc nghiệm:**

*Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng*

**Câu 1.** (M1- 1đ) Trong phép tính  $16 : 2 = 8$ , số 8 được gọi là:

- A. Số bị chia                      B. Số chia                      C. Thương                      D. Tích

**Câu 2.** (M1- 1đ) Số 349 là số liền trước của số:

- A. 348                      B. 350                      C. 358                      D. 360

**Câu 3.** (M1- 1đ) Sải tay của Việt dài khoảng:

- A. 1 m                      B. 1cm                      C. 1dm                      D. 1km

**Câu 4.** (M1- 1đ) Các số 650, 374, 329, 648 sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 650,648, 329,374                      B. 374, 329, 650, 648  
C. 329, 374,650, 648                      D. 329, 374,648, 650

**Câu 5.** (M2- 1đ)

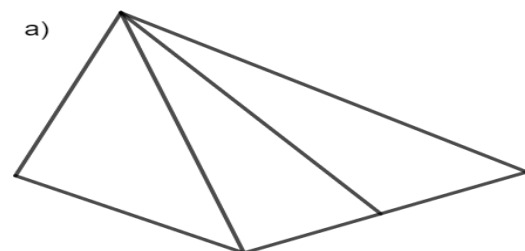
Trong hộp có 3 quả bóng màu đỏ, 1 quả bóng màu xanh. Không nhìn vào hộp, Mai lấy ra 1 quả bóng từ bên trong chiếc hộp đó. Khả năng để Mai lấy được 1 quả bóng màu xanh là:

- A. Không thể                      B. Có thể                      C. Chắc chắn

**Câu 6.** (M3- 1đ)

Trong hình sau có bao nhiêu hình tứ giác?

- A. 1 hình                      B. 2 hình  
C. 3 hình                      D. 4 hình





Họ và tên:.....Lớp .....

| Điểm bài thi |          | Họ, tên chữ kí người chấm thi                |
|--------------|----------|--|
| Bảng số      | Bảng chữ | Giám khảo số 1:.....<br>Giám khảo số 2:..... |

**A. KIỂM TRA ĐỌC: ( 10 điểm)**

**I. ĐỌC THÀNH TIẾNG: ( 4 điểm)**

- Thời gian: GV linh hoạt tùy thuộc vào sĩ số HS của lớp mình.
- Cách thức: Kiểm tra từng học sinh.
- GV gọi lần lượt từng HS lên bốc thăm bài (đoạn) đọc từ tuần 11 đến tuần 17 SGK TV2 tập 1.
- Trả lời câu hỏi về nội dung bài (đoạn) đọc.
- Giáo viên đánh giá, nhận xét dựa vào các yêu cầu sau:
  - + Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ đạt yêu cầu: 1 điểm
  - + Đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng): 1 điểm.
  - + Ngắt nghỉ đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa: 1 điểm
  - + Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

**II. ĐỌC HIỂU: ( 6 điểm)**

**1. Đọc thầm đoạn văn sau:**

**Cây gạo**

Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. Tất cả đều lóng lánh lung linh trong nắng. Chào mào, sáo sậu, sáo đen... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về. Chúng nó gọi nhau, trêu ghẹo nhau, trò chuyện ríu rít. Ngày hội mùa xuân đấy.

Cây gạo già mỗi năm lại trở lại tuổi xuân, càng nặng trĩu những chùm hoa đỏ mọng và đầy tiếng chim hót.

Hết mùa hoa, chim chóc cũng vãn. Cây gạo trở lại với dáng vẻ xanh mát hiền lành. Cây đứng im lìm cao lớn, làm tiêu cho những con đò cập bến và cho những đứa con về thăm quê mẹ.

Vũ Tú Nam







## ĐÁP ÁN VÀ CÁCH CHO ĐIỂM- MÔN TIẾNG VIỆT

### A. ĐỌC

#### 1. Đọc thành tiếng: (4 điểm)

- Cho học sinh bốc thăm bài (đoạn) đọc từ tuần 19 đến tuần 33 SGK TV2 tập 2.
- Trả lời câu hỏi về nội dung bài (đoạn) đọc.
- Giáo viên đánh giá, nhận xét dựa vào các yêu cầu sau:
  - + Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ đạt yêu cầu: 1 điểm
  - + Đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng): 1 điểm.
  - + Ngắt nghỉ đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa: 1 điểm
  - + Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

#### 2. Đọc hiểu: (6 điểm)

**Câu 1:** A. (0,5 điểm)

**Câu 2:** B. (0,5 điểm)

**Câu 3:** C. (0,5 điểm)

**Câu 4:** A. (0,5 điểm)

**Câu 5:** C. (0,5 điểm)

**Câu 6:** gọi nhau, trêu ghẹo nhau, trò chuyện ríu rít. (1 điểm)

**Câu 7:** (1 điểm)

- Từ chỉ sự vật: mùa xuân, cây gạo, chim chóc.

- Từ chỉ hoạt động: gọi, bay đến, hát, trò chuyện

**Câu 8:** (1 điểm) Đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm

Con mèo đang bắt chuột.

**Câu 9.** Điền dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi vào ô trống cho phù hợp? (0,5 điểm)

Hôm nay đi học, em được học về dấu chấm hỏi . Cô giáo giảng rằng:

- Dấu chấm hỏi được viết ở phía cuối của câu hỏi . Các em đã nhớ chưa nào ?

### B. VIẾT: ( 10 điểm)

#### 1. Chính tả (4 điểm)

- Tốc độ đạt yêu cầu: 1 điểm
- Chữ viết rõ ràng, viết đúng chữ, cỡ chữ: 1 điểm
- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 1 điểm
- Trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp: 1 điểm

#### 2. Tập làm văn (6 điểm)

\* Nội dung (ý): 3 điểm (Mỗi ý 1 điểm)

- Đảm bảo các yêu cầu. Viết được đoạn văn theo câu hỏi gợi ý.

\* Kỹ năng: 3 điểm

- Điểm tối đa cho kỹ năng viết chữ, viết đúng chính tả: 1 điểm.

- Điểm tối đa cho kĩ năng dùng từ đặt câu: 1 điểm.
- Điểm tối đa cho phần sáng tạo: 1 điểm.

## ĐÁP ÁN VÀ CÁCH CHO ĐIỂM- MÔN TOÁN

Câu 1. C ( 1 điểm).

Câu 2. B( 1 điểm).

Câu 3. A(1 điểm)

Câu 4. D(1 điểm)

Câu 5. B(1 điểm)

Câu 6. B(1 điểm)

Câu 7. Mỗi phép tính đặt tính và tính đúng được 0,25 điểm. ( 959; 407; 572; 177 )

Câu 8. Mỗi ý đúng được 0,25 điểm. ( 80 dm, 100 dm, 1000 m, 4 m )

Câu 9. (1 điểm)

### Bài giải

Số quyển vở hôm qua cửa hàng Đức Tín bán được là: (0,25 điểm)

$$250 + 60 = 310 \text{ ( quyển vở) (0,5 điểm)}$$

Đáp số: 310 quyển vở (0,25 điểm)

Câu 10. (1 điểm)

### Bài làm:

- Số bé nhất có ba chữ số khác nhau là: 102 (0,25 điểm)

- Số bé nhất có hai chữ số là: 10 (0,25 điểm)

- Hiệu của hai số là:  $102 - 10 = 92$  (0,5 điểm)